TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 189/2020/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17/12/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1968.

2/ Bà Bùi Thị Kim V, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tú Q và bà Bùi Thị Kim V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị A số tiền hụi còn nợ 36.148.000đ *(Ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Kể từ ngày hòa giải thành (ngày 17/12/2020) nếu bà Nguyễn Thị Tú Q và bà Bùi Thị Kim V chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị A nộp 451.850đ *(Bốn trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm năm mươi đồng)* nhưng bà A có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao

tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tú Q và bà Bùi Thị Kim V nộp 451.850đ *(Bốn trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm năm mươi đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga